

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày: 25/10/2018

“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Huy Giáp và bà Lê Thị Bích Hằng;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quyết Tâm – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2018/QĐST- DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đào Văn U, sinh năm 1973. Trú tại: Ấp 3, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông U tham gia phiên tòa:

+ Chị Đào Thúy H, sinh năm 1993. Cư trú tại: Số 161 đường 3/2 khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992. Cư trú tại: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Theo văn bản ủy quyền được UBND thị trấn Trảng Bom chứng thực số 232 quyền số 01/2018TP/CC-SCT/CC ngày 19/7/2018.

**- Bị đơn:** Bà Đỗ Thị Lâm U1, sinh năm: 1973. HKTT: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh N có mặt; bà U1 vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/8/2018, đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/9/2018, các bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Đào Văn U và bà Đỗ Thị Lâm U1 có quen biết nhau do đã hợp tác kinh doanh cùng nhau nhiều lần. Nhiều lần bà U1 hỏi vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh nên trong tháng 6/2014 ông Đào Văn U đã cho bà Đỗ Thị Lâm U1 vay 05 lần với tổng số tiền cho vay là 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng) cụ thể như sau:

- + Ngày 18/6/2014 vay 02 lần, lần thứ nhất vay 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng), lần thứ 2 vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);
- + Ngày 25/6/2014 vay 02 lần, lần thứ nhất vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lần thứ hai vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng);
- + Ngày 27/6/2014 vay số tiền 470.000.000 đồng (Bốn trăm, bảy mươi triệu đồng)

Mỗi lần ông U cho bà U1 vay tiền, ông U đều yêu cầu bà U1 viết giấy vay tiền, toàn bộ chữ ký, chữ viết trên các giấy vay tiền, mượn tiền đều do bà U1 tự viết và ký tên. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng, khi nào cần lấy tiền gốc thì ông U báo trước cho bà U1 01 tháng để chuẩn bị; tiền lãi trả vào các ngày 18 và 25 hàng tháng. Bà U1 đã trả lãi cho ông U đến ngày 25/7/2014 thì không tiếp tục trả lãi nữa. Thời gian này ông U nghe tin bà U1 vỡ nợ nên đã nhiều lần yêu cầu bà U1 hoàn trả lại tiền cho ông U để ông trả cho ngân hàng thì bà U1 khất nợ với lý do kinh doanh bị thua lỗ và cam kết sẽ trả lại toàn bộ số tiền vay của ông U vào cuối năm 2014.

Tuy nhiên, ngày 09/8/2014 (Tức ngày 14/7/2014 âm lịch) cả gia đình bà U1 đã bỏ đi khỏi địa phương, từ đó đến nay biệt tích không ai biết bà U1 đang cư trú ở đâu. Ngay sau khi bà U1 bỏ trốn khỏi địa phương, ông U đã làm đơn tố cáo bà U1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông U đến các cơ quan chức năng. Theo thông báo kết quả giải quyết đơn tố cáo tội phạm số 80/TB-PC45 ngày 15/4/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Đồng Nai trả lời ông U được biết không khởi tố vụ án hình sự vì đây là tranh chấp dân sự.

Ngày 22/5/2015, TAND huyện Trảng Bom đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 07/2015/QĐDS-ST đối với bà Đỗ Thị Lâm U1, sinh năm: 1973; nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của bà U1.

Do đó, ông U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Buộc bà Đỗ Thị Lâm U1 phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay của ông U là 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng).
- + Buộc bà Đỗ Thị Lâm U1 phải có trách nhiệm trả tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm trên tổng số tiền chậm trả là 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng), kể từ ngày 15/4/2015 cho đến ngày 15/09/2018 là 604.750.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

*Bị đơn bà Đỗ Thị Lâm U1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và giấy triệu tập. Tuy nhiên, bà U1 không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản nêu ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án theo thông báo số 01/TB-TA ngày 06/8/2018. Bà Đỗ Thị Lâm U1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đỗ Thị Lâm U1 phải trả cho ông Đào Văn U số tiền gốc là 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm trên tổng số tiền chậm trả là 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng), kể từ ngày 15/4/2015 cho đến ngày 15/9/2018 là 604.750.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đào Văn U khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U1, sinh năm: 1973. Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai trả số tiền nợ gốc là 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thông toán; Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

1.2. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.3. Căn cứ kết quả xác minh tại ấp 5, xã S ngày 12/02/2018, Công an xã S ngày 28/2/2018 thể hiện: Bà Đỗ Thị Lâm U1, sinh năm 1973 có đăng ký thường trú tại địa phương. Từ năm 2014 đến nay bà U1 không có mặt tại địa phương, bà U1 đang sống và làm việc ở đâu thì địa phương không rõ. Căn cứ biên bản xác minh tại Công an xã D, huyện P ngày 25/7/2018 do Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cung cấp: Bà Đỗ Thị Lâm U1, sinh năm 1973 không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa phương. Hiện nay bà U1 có cư trú tại địa phương hay không thì công an xã không nắm rõ vì bà U1 không trình báo. Do đó, Tòa án không thể tổng đạt được trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn. Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đúng, ghi đầy đủ địa chỉ của bị đơn theo kết quả xác minh của Tòa án. Bà U1 thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho ông U biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

1.4. Bị đơn bà Đỗ Thị Lâm U1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có yêu cầu

phản tố. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

1.5. Giao dịch vay tiền giữa các bên đã được xác lập năm 2014 trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu, tuy nhiên giao dịch này có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự 2015 và do chưa được thực hiện nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

## **[2]. Về nội dung:**

**2.1.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc thì thấy:** Tại giấy vay tiền ngày 18/6/2014, giấy mượn tiền ngày 18/6/2014, hai giấy mượn tiền ngày 25/6/2014 và giấy mượn tiền ngày 27/6/2014 có nội dung: Tôi Đỗ Thị Lâm U1, sinh năm 1973, CMND số 272127827 có mượn của anh U với số tiền các lần là 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng), 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và 470.000.000 đồng (Bốn trăm, bảy mươi triệu đồng). Phía dưới các tờ giấy này đều có chữ ký và viết tên Đỗ Thị Lâm U1.

2.1.2. Tại Kết luận giám định số 3540/C09B ngày 27/8/2018 của Phân viên KHHS tại Tp. Hồ Chí Minh- Viện khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận: Chữ ký mang tên Đỗ Thị Lâm U1, chữ viết họ tên Đỗ Thị Lâm U1 dưới chữ ký trên “Giấy vay tiền” đề ngày 18/6/2014, “Giấy mượn tiền” đề ngày 18/6/2014, 02 “Giấy mượn tiền” đề ngày 25/6/2014 và “Giấy mượn tiền” đề ngày 27/6/2014 so với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị Lâm U1 trên 03 tài liệu mẫu so sánh (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TRB11/0264/HĐBĐ ngày 11/11/2011; Hợp đồng thế chấp QSD đất số TRB.BĐCN.122.170114 ngày 17/01/2014; Hợp đồng thế chấp QSD đất số TRB.BĐCN.233.170414 ngày 18/04/2014) là do cùng một người ký, viết ra.

2.1.3. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bà Đỗ Thị Lâm U1 có vay số tiền 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng) của ông Đào Văn U là có thật.

2.1.4. Căn cứ các giấy vay tiền, mượn tiền do nguyên đơn cung cấp xác định đây là hợp đồng vay tiền không có thời hạn và không tính lãi. Theo nguyên đơn khai đã nhiều lần yêu cầu bà U1 trả tiền nợ gốc nhưng bà U1 chưa thông toán. Theo thông báo số 80/TB-PC45 ngày 15/4/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Đồng Nai thể hiện ông U đã làm đơn tố cáo bà U1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông đến các cơ quan chức năng đề nghị giải quyết. Từ khi thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm, bà U1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ gốc, tiền lãi giữa các bên.

2.1.5. Căn cứ các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đỗ Thị Lâm U1 có nghĩa vụ trả cho ông Đào Văn U số tiền 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng).

**2.2. Về yêu cầu trả tiền chậm thông toán:** Như đã phân tích nêu trên đủ căn cứ xác định kể từ ngày 15/4/2015, bà Đỗ Thị Lâm U1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Đào Văn U số tiền 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng). Sau ngày 15/4/2015, bà U1 chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền do các bên không thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật

dân sự 2015 là 10%/năm kể từ ngày 15/4/2015 cho đến ngày 15/9/2018 là 03 (ba) năm 05 (năm) tháng. Tiền lãi chậm thông toán là: 1.770.000.000 đồng x 10%/năm x 03 (ba) năm 05 (năm) tháng = 604.750.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, buộc bà U1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Đào Văn U số tiền lãi do chậm thông toán là 604.750.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

**[3]. Đối với chi phí giám định:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bà Đỗ Thị Lâm U1 có nghĩa vụ trả cho ông Đào Văn U số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu, một trăm ngàn đồng) tạm ứng chi phí giám định mà ông U đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[4]. Về án phí:** Căn cứ quy định tại Điều của 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông U toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Lâm U1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 72.000.000 đồng + (2% x 374.750.000 đồng) = 79.495.000 đồng (Bảy mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

**[5].** Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn U về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Đỗ Thị Lâm U1.

Buộc bà Đỗ Thị Lâm U1 có nghĩa vụ trả cho ông Đào Văn U số tiền 2.374.750.000 đồng (Hai tỷ, ba trăm bảy mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó:

+ Nợ gốc là: 1.770.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm, bảy mươi triệu đồng).

+ Tiền lãi chậm thông toán là: 604.750.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày ông U có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà U1 chậm trả tiền thì hàng tháng bà U1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Đỗ Thị Lâm U1 có nghĩa vụ trả cho ông Đào Văn U số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu, một trăm ngàn đồng) chi phí giám định mà ông U đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Lâm U1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 79.497.000 đồng (Bảy mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Ông Đào Văn U không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Đào Văn U số tiền 50.760.000 đồng (Năm mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các biên lai thu số 000784 ngày 26/07/2018 và 000822 ngày 06/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

4. Ông Đào Văn U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị Lâm U1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Quyên**



